TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/LĐ-ST
Ngày: 23/10/2023
V/v "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân, là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 18 và ngày 23 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số: 1/2020/TLST-LĐ ngày 06/01/2020 về việc: "Về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2023/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1968 (Có mặt);

Địa chỉ thường trú: Số 167/4/9 đường N, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại TL (gọi tắt là Công ty TL)

Địa chỉ trụ sở: Số 396 đường Đ, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thái N

Người đại diện theo uỷ quyền là ông Trần Đức H, sinh năm 1988 và ông Lê Hà Bảo Đ, sinh năm 1998 (theo Giấy ủy quyền của Công ty TNHH Thương mại TL). (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số 012 Lô D, Chung cư X, đường T, Phường 8, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2019, bản tự khai, các biên bản hòa giải và trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu D trình bày:

Ngày 27/9/2018, ông Nguyễn Hữu D ký Hợp đồng lao động số 16/2018-HĐLĐ với Công ty TL do bà Lưu Thị Mỹ L làm người đại diện theo pháp luật với nội dung thỏa thuận như sau: Thời hạn hợp đồng là 12 tháng (mười hai tháng) (từ ngày 01/10/2018 đến 30/9/2019), mức lương là 15.000.000 đồng/tháng (mười lăm triệu đồng mỗi tháng), vị trí kế toán trưởng. Do bận việc riêng nên ông D đã xin nghỉ việc từ ngày 21/4/2019, theo quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 10/2019/QĐTV-TL ký ngày 05/4/2019. Sau khi giải quyết xong việc riêng, ông D và bà Lưu Thị Mỹ L thỏa thuận: ông D bắt đầu làm việc lại cho Công ty TL từ ngày 22/8/2019, chính thức theo Hợp đồng lao động số TL15-HDLD ký ngày 01/9/2019. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng: từ ngày 01/9/2019 đến ngày 31/8/2020, vị trí kế toán trưởng (quyền lợi và trách nhiệm giống như HĐLĐ số 16/2018-HĐLĐ).

Ông D đã lập Hợp đồng lao động số TL15-HDLD (02 bản) theo thỏa thuận như trên, ký tên và đã chuyển cho bà Lưu Thị Mỹ L (02 bản), nhưng đến nay bà L vẫn chưa giao trả Hợp đồng lao động số TL15-HDLD cho ông D 01 bản.

Ngày 30/9/2019, bà Lưu Thị Mỹ L bảo ông D ngày mai (tức ngày 01/10/2019) ông D nghỉ phép vài ngày. Ông D nghỉ phép theo yêu cầu của bà Lưu Thị Mỹ L. Đến ngày 08/10/2019, bà Lưu Thị Mỹ L đưa cho ông D quyết định chấm dứt hợp đồng lao động không số ký ngày 30/9/2019 và có hiệu lực từ ngày 30/9/2019.

Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận N đã tiến hành hòa giải lao động vào ngày 11/11/2019 và ngày 14/11/2019 để giải quyết tranh chấp lao động giữa ông D và Công ty TL, tuy nhiên đại diện hợp pháp của Công ty TL vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Nay ông Nguyễn Hữu D yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc Công ty TL bồi thường cho ông D khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày ông D không được làm việc theo quy định của Bộ luật lao động, tạm tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày 18/10/2023 (48 tháng 18 ngày) là 797.274.738 đồng (16.404.830 đồng x 48,6 tháng).

- Buộc Công ty TL bồi thường cho ông D ít nhất 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết với Công ty là 30.000.000 đồng (15.000.000 đồng x 02 tháng).

- Buộc Công ty TL bồi thường cho ông D số tiền 15.000.000 đồng (15.000.000 đồng x 30 ngày: 30 ngày) theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động.

Như vậy, tổng số tiền ông Nguyễn Hữu D yêu cầu Công ty TL phải bồi thường cho ông D là 842.274.738 đồng (Tám trăm bốn mươi hai triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm ba mươi tám đồng) (tạm tính đến ngày 30/09/2023).

Bị đơn – Công ty TNHH Thương mại TL trình bày:

Ngày 04/9/2018, ông Nguyễn Hữu D có đơn xin việc cho vị trí kế toán trưởng tại Công ty TL. Ngày 27/9/2018, Công ty TL ký hợp đồng lao động số 16/2018-HĐLĐ với ông D, loại hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng, chức danh kế toán trưởng, mức lương chính 5.648.000 đồng kèm theo một số khoản phụ cấp. Ngày 21/3/2019, ông D có đơn xin nghỉ việc với lý do "Thù lao và môi trường làm việc không phù hợp". Công ty đã ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 10/2019/QĐTV-TL ngày 05/4/2019, chấp nhận cho ông D nghỉ việc từ ngày 21/4/2019 và đã chi trả đầy đủ theo chế độ Công ty. ông D cũng đã thực hiện xong việc bàn giao công việc. Như vậy, quan hệ lao động theo Hợp đồng lao động số 16/2018-HĐLĐ với ông D đã chấm dứt.

Sau đó, ông D có đến Công ty xin quay lại làm việc, các bên chỉ thỏa thuận miệng, ông D cam kết trong vòng 02 tháng sẽ thực hiện các công việc với nội dung sau:

+ Sắp xếp lại sổ sách, chứng từ, hồ sơ của phòng kế toán.

+ Hướng dẫn nhân viên Phòng kế toán về nghiệp vụ chuyên môn cũng như sử dụng thành thạo phần mềm kế toán mà ông Nguyễn Hữu D đã đề xuất Công ty trang bị mua mới cho phòng kế toán.

Công ty đề nghị ông D thử việc, nếu trong hai tháng mang lại hiệu quả thì Công ty thì sẽ tiến hành ký kết Hợp đồng lao động. Ngược lại Công ty TL sẽ chấm dứt việc thử việc bất cứ lúc nào. Bắt đầu thử việc từ ngày 01/9/2019, thoả thuận thử việc các bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản. Điều này phù hợp với Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể cũng như phù hợp với Luật Lao động hiện hành. Tuy nhiên sau 01 tháng làm việc, Công ty phát hiện ông D không thực hiện đúng như những gì đã cam kết và tự ý đăng ký mua Bảo hiểm xã hội mà không có Hợp đồng lao động với Công ty TL cũng như chưa được sử chấp thuận của Giám đốc Công ty. Theo đề nghị của Bộ phận Nhân sự, Công ty đã ra Quyết định chấm dứt thỏa thuận công việc với ông D và thông báo cho ông D vì ông D đã vi phạm một số điều như trên và có ra Quyết định chấm dứt Hợp đồng, ông D đã nhận Quyết định. Để thông báo cắt Bảo hiểm xã hội

của ông D tự ý mua nên Công ty phải ra Quyết định cho ông D thôi việc. Công ty TL xác định sau khi chấm dứt Hợp đồng lao động số 16/2018-HĐLĐ thì không ký Hợp đồng lao động nào khác với ông D.

Mặc dù ông D đang trong thời gian thử việc nhưng Công ty TL vẫn trả 100% lương và các chi phí phụ cấp khác. Vấn đề thử việc đã chấm dứt và ông D cũng đã nhận một tháng lương thử việc kèm phụ cấp bao gồm 5.978.000 đồng và các chi phí phụ cấp cho những ngày thử việc của ông D, theo Phiếu nhận lương tháng 9 năm 2019 là 16.404.830 đồng.

Việc ông D cho rằng Công ty TL chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là không có cơ sở. Do đó, Công ty TL đề nghị Tòa án nhân dân Quận N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa:**

- Ông Nguyễn Hữu D giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, xác định không có Hợp đồng lao động số TL15-HDLD ký ngày 01/9/2019, tuy nhiên ông xác định Hợp đồng lao động số TL15 là loại hợp đồng không xác định thời hạn căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 22 Bộ luật lao động năm 2012 nên yêu cầu Công ty TL phải bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật.

- Đại diện uỷ quyền của Công ty TL giữ nguyên quan điểm như trên. Bị đơn thiện chí đưa ra phương án hoà giải, đồng ý hỗ trợ cho ông D một khoản tiền theo yêu cầu của ông D nếu tại phiên toà hôm nay ông đồng ý hoà giải để giải quyết vụ án nhanh chóng. Do ông D không đưa ra phương án hòa giải, nên bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên toà, nhận thấy có cơ sở để xác định ông D có thực sự làm việc cho Công ty TL từ 01/9/2019 đến 30/9/2019, nhưng chưa xác định được giữa hai bên có ký hợp đồng lao động có xác định thời hạn hay không (Hợp đồng lao động số TL15-HDLD không ghi ngày tháng năm, thể hiện thời hạn hợp đồng 01 năm từ ngày 01/9/2019 đến 31/8/2020). Nguyên đơn không cung cấp được Hợp đông lao động bản chính, bị đơn cho rằng hai bên có thỏa thuận miệng về việc thử việc với nhau trong vòng 02 tháng. Do hợp đồng thử việc không bắt buộc phải giao kết hợp đồng, do đó có cơ sở để xác định đây là

hợp đồng thử việc theo lời khai của bị đơn. Do đó việc bên phía Công ty TL chấm dứt thỏa thuận thử việc thì không bắt buộc phía Công ty TL phải báo trước và không phải bồi thường cho ông D. Phía Công ty TL đã thanh toán tiền lương tháng 9/2019 (tháng thử việc) cho ông D đầy đủ. Do đó, Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu D được miễn án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*:

Xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TL phải bồi thường theo quy định của pháp luật do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Đối chiếu với các quy định tại khoản 10 Điều 36, Điều 44 Bộ luật lao động năm 2012; Điểm a khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án là: Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án*:

Đây là vụ án "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động", bị đơn có trụ sở tại số 396 đường Đ, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ lao động:

Xét các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp, do Tòa án thu thập và lời trình bày của các bên đương sự có cơ sở xác định ông Nguyễn Hữu D vào làm việc tại Công ty TL theo Hợp đồng lao động số 16/2018-HĐLĐ từ ngày 01/10/2018, vị trí kế toán trưởng. Do bận việc riêng nên ông D đã xin nghỉ việc từ ngày 21/4/2019. Theo quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 10/2019/QĐTV-TL ký ngày 05/4/2019. Như vậy, Hợp đồng lao động số 16/2018-HĐLĐ ký giữa ông Nguyễn Hữu D với Công ty TL đã chấm dứt theo đúng quy định pháp luật, các bên không tranh chấo do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi giải quyết xong việc riêng, ông D và bà Lưu Thị Mỹ L (giám đốc Công ty TNHH Thương mại TL) thỏa thuận và thống nhất: ông D bắt đầu làm việc lại cho Công ty TNHH Thương mại TL từ ngày 01/9/2019. Nguyên đơn trình bày là ông đã lập Hợp đồng lao động số TL15-HDLD (02 bản) ký tên và đã chuyển cho bà Lưu Thị Mỹ L (02 bản), nhưng đến nay bà L vẫn chưa giao trả Hợp đồng lao động số TL15-HDLD cho ông. Nguyên đơn trình bày Hợp đồng lao động số TL15-HDLD ký ngày 01/9/2019 thoả thuận Thời hạn hợp đồng là 12 tháng: từ ngày 01/9/2019 đến ngày 31/8/2020, mức lương là 15.000.000 đồng/tháng (mười lăm triệu đồng mỗi tháng), vị trí kế toán trưởng, quyền lợi và trách nhiệm giống như Hợp đồng lao động số 16/2018-HĐLĐ. Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, ông D không cung cấp được Hợp đồng lao động số TL15-HDLD bản chính. Tại phiên toà, nguyên đơn xác định không có Hợp đồng lao động số TL15-HDLD nên không cung cấp được cho Toà. Phía Công ty TL trình bày giữa Công ty và ông D chỉ thoả thuận miệng về việc thử việc từ ngày 01/9/2019 chứ không ký Hợp đồng lao động số TL15-HDLD, nên không có Hợp đồng để cung cấp cho Toà án.

Theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Điều 91. Nghĩa vụ chứng minh

b) Đương sự là người lao động trong vụ án lao động mà không cung cấp, giao nộp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ vì lý do tài liệu, chứng cứ đó đang do người sử dụng lao động quản lý, lưu giữ thì người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ đó cho Tòa án.

Người lao động khởi kiện vụ án đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thuộc trường hợp người sử dụng lao động không được thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hoặc trường hợp không được xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về người sử dụng lao động;"

Do đó, Hội đồng xét xử xác định giữa Công ty TL và ông D có phát sinh quan hệ lao động nhưng không có Hợp đồng lao động.

[2.2] Xét việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động của Công ty TL:

Ngày 30/9/2019, Công ty TL ban hành Quyết định không số…/QĐTV/2019 chấm dứt hợp đồng lao động với ông Nguyễn Hữu D và có hiệu lực từ ngày 30/9/2019.

Ông D trình bày được công ty đóng Bảo hiểm xã hội là chứng minh có ký kết Hợp đồng lao động và loại Hợp đồng không xác định thời hạn.

Bị đơn không thừa nhận có ký kết Hợp đồng lao động, mà các bên chỉ thoả thuận miệng về việc thử việc từ ngày 01/9/2019, theo đó, ông D sẽ áp dụng phần mềm kế toán cho Công ty, nếu phần mềm kế toán áp dụng tốt, có hiệu quả cho Công ty thì sẽ tiến hành ký hợp đồng lao động. Nếu phần mềm không có

hiệu quả đối với Công ty thì Công ty sẽ chấm dứt hợp đồng thử việc bất cứ lúc nào. Tuy nhiên, trong 01 tháng đầu thử việc thì phần mềm không đạt yêu cầu nên Công ty đã chấm dứt thử việc với ông D. Công ty cho rằng ông D là kế toán trưởng nên tự ý lập danh sách đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông khi chưa được sự đồng ý của Giám đốc, để cắt bảo hiểm xã hội nên Phòng nhân sự đã ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông D.

Theo Công văn số 639/BHXH-THU ngày 26/12/2022 của Bảo hiểm xã hội Quận N có nội dung*: "Do đơn vị lập hồ sơ điện tử, không lập hồ sơ giấy. Vì vậy, BHXH Quận N không có lưu giữ hợp đồng giữa ông Nguyễn Hữu D và Công ty TNHH TM TL"*.

Xét thời gian ông D làm việc cho Công ty từ ngày 22/8/2019 đến ngày 30/9/2019 là 01 tháng 9 ngày, tương ứng với thời gian thử việc được quy định trong Thoả ước lao động tập thể và theo quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 27 Bộ luật Lao động 2012 quy định: "*Thời gian thử việc: Không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên*". Hơn nữa, quy định về việc thử việc thì không cần lập văn bản theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Bộ luật Lao động năm 2012 thì ." *... 1. Người sử dụng lao động và người lao động có thể thoả thuận về việc làm thử, quyền, nghĩa vụ của hai bên trong thời gian thử việc. Nếu có thoả thuận về việc làm thử thì các bên có thể giao kết hợp đồng thử việc...".*

Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của ông D thì ngày 30/9/2019 bà Lưu Thị Mỹ L - Giám đốc Công ty bảo ông ngày mai (là ngày 01/10/2019) nghỉ phép vài ngày. Tuy nhiên đến ngày 08/10/2019, Giám đốc đưa ông Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số ……/QĐTV/2019 (không ghi số) ngày 30/9/2019 về việc cho ông D thôi việc kể từ ngày 30/9/2019. Như vậy trong thời gian thử việc, Công ty TL đã ra quyết định cho ông D thôi việc là không vi phạm thời hạn báo trước tại Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 vì ông D đang trong thời gian thử việc nên việc chấm dứt lao động là có cơ sở theo đúng quy định pháp luật tại khoản 2, Điều 29 của Bộ luật Lao động "*Trong thời gian thử việc, mỗi bên có quyền hủy bỏ thỏa thuận thử việc mà không cần báo trước và không phải bồi thường nếu việc làm thử không đạt yêu cầu mà hai bên đã thỏa thuận"*.

[2.3] Về việc giải quyết quyền lợi cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động: Theo sổ bảo hiểm xã hội do nguyên đơn cung cấp và Công văn số 639/BHXH-THU của Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Quận N thì ông Nguyễn Hữu D đã được giải quyết trợ cấp Bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định số 145525/QĐ-SLĐTBXH-TCTN ngày 19/11/2019 nên Công ty TL không phải trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc cho ông D.

Căn cứ: Phiếu nhận lương tháng 9/2019 của ông D, xác minh quá trình đóng bảo hiểm xã hội của ông D nhận thấy trong thời gian ông D thử việc, Công

ty TL đã trả đầy đủ lương, phụ cấp và đóng Bảo hiểm xã hội cho ông D. Khi làm thủ tục chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Hữu D, Công ty TL đã thực hiện việc chi trả tiền lương tháng 9/2019 với số tiền 14.372.310 đồng. ông D đã ký nhận tiền mặt đầy đủ.

Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty TL đã thực hiện chốt sổ bảo hiểm xã hội đến hết ngày 30/9/2019 và trả sổ bảo hiểm xã hội kèm theo tờ rơi bảo hiểm đầy đủ cho ông D. Như vậy, Công ty TL đã trả đủ lương và các quyền lợi khác của người lao động được đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Bộ luật lao động.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc Công ty TL chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông D là có căn cứ, đúng trình tự, thủ tục. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông D đối với Công ty TL không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N là phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn được miễn án phí sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 32; điểm c, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 70; Điều 93; Điều 96; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 27; Khoản 2, Điều 29; Khoản 3 Điều 47 của Bộ luật lao động năm 2012;

- Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu D đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại TL:

- Không chấp nhận yêu cầu Buộc Công ty TL bồi thường cho ông D khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày ông D không được làm việc theo quy định của Bộ luật lao động, tạm tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày 18/10/2023 (48 tháng 18 ngày) là 797.274.738 đồng (16.404.830 đồng x 48,6 tháng).

- Không chấp nhận yêu cầu Buộc Công ty TL bồi thường cho ông D ít nhất 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết với Công ty là 30.000.000 đồng (15.000.000 đồng x 02 tháng).

- Không chấp nhận yêu cầu Buộc Công ty TL bồi thường cho ông D số tiền 15.000.000 đồng (15.000.000 đồng x 30 ngày: 30 ngày) theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động.

[2] Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại TL không phải chịu án phí. Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu D được miễn án phí sơ thẩm theo Đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí/lệ phí ngày 12/2/2019.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM
- VKSND Quận N;
- Chi cục THADS Quận N;
- Cá c đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thanh Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Trang